

**CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIVA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UNIVA GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109552390

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 61 Đường 23b, Thôn Đường 23, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868097388

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1410        |
| 2.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1430        |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2511        |
| 4.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3100        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4102        |
| 7.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4511        |
| 8.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4512        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649(Chính) |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh      | 4759 |
| 14. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4763 |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                             | 4771 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)                                            | 4774 |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                           | 4791 |
| 18. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                   | 6810 |
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản<br>Tư vấn và Quản lý bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản | 6820 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                     | 7410 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>Ủy thác xuất nhập khẩu                | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 980.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯU THỊ CHÍ   | Tổ 1, Đường 23b, Thôn Đường 23, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 931.000    | 9.310.000.000         | 95,000    | 013503598                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Tổng số                   | 931.000    | 9.310.000.000         | 95,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN THỊ TUẤT | Xóm 7, Thôn Yên Lạc, Xã Đồng Hóa, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 24.500     | 245.000.000           | 2,500     | 0351700002<br>41                                                                            |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         | Tổng số                   | 24.500     | 245.000.000           | 2,500     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                        |                                    |        |             |       |                  |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>NGA | Tổ 1, Đường 23b,<br>Thôn Đường 23,<br>Xã Thanh Lâm,<br>Huyện Mê Linh,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 24.500 | 245.000.000 | 2,500 | 0351960022<br>67 |
|   |                   |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                        | Tổng số                            | 24.500 | 245.000.000 | 2,500 |                  |
|   |                   |                                                                                                        |                                    |        |             |       |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU THỊ CHÍ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1953

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013503598

Ngày cấp: 22/12/2011

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Đường 23b, Thôn Đường 23, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Đường 23b, Thôn Đường 23, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội